TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2025
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.

2. Ông Huỳnh Văn Tý.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2025 về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Lê Công T, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 10/6/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Công T (sau đây gọi là ông T) trình bày: ông T với bà Nguyễn Thị T1 (sau đây gọi là bà T1) tiến đến hôn nhân vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu

ông T, bà T1 sống hạnh phúc và sinh được 02 (hai) con chung là Lê Nhựt Q, sinh năm 1991 và Lê Thị Nhật H, sinh năm 1995. Đến tháng 3 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân đến nay.

Nay mâu thuẫn gia đình trầm trọng nên ông T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T1. Về con chung: 02 con chung là Lê Nhựt Q và Lê Thị Nhật H đều đã thành niên và tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại Tờ tự khai ngày 10/6/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: bà T1 với ông T tiến đến hôn nhân vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông T và bà T1 sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên là Lê Nhựt Q, sinh năm 1991 và Lê Thị Nhật H, sinh năm 1995. Đến tháng 3 năm 2025 thì bà T1 và ông T phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, giữa hai người không có tiếng nói chung, từ đó mâu thuẫn gay gắt. Mặc dù bà T1 đã cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng nên bà T1 và ông T đã ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay.

Bà T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lê Công T. Về con chung: 02 con chung là Lê Nhựt Q và Lê Thị Nhật H đều đã thành niên và tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu ly hôn với bà T1. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn", theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có đăng ký thường trú tại thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, đề nghị của bị đơn đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà T1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên ông T yêu cầu ly hôn với bà T1.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2025, bị đơn bà T1 xác định không còn tình cảm với ông T nên đồng ý ly hôn hôn theo yêu cầu của ông T.

Xét thấy, mặc dù ông T với bà T1 sống chung từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại

Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân này không có giá trị pháp lý.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;…"*.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay. Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T1. Tuy nhiên, giữa ông T và bà T1 không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Công T và bà Nguyễn Thị T1.

[4] Về quan hệ con chung: ông T và bà T1 có 02 con chung là Lê Nhựt Q, sinh năm 1991 và Lê Thị Nhật H, sinh năm 1995. Do các con chung đều thành niên nên ông T, bà T1 không yêu cầu giải quyết về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Công T.

1.1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Công T và bà Nguyễn Thị T1.

1.2. Về con chung: ông T và bà T1 có 02 con chung là Lê Nhựt Q, sinh năm 1991 và Lê Thị Nhật H, sinh năm 1995. Anh Q và chị H đã thành niên.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Công T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021962 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (ông T đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em